TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **224**/2021/DS - PT
Ngày: 26/11/2021
V/v: "Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy quyết định cá biệt"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tiến**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Cường**

Ông **Phạm Tồn**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Phạm Thị Thu Ba**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Vinh**, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 197/2021/TLPT-DS ngày 18 tháng 6 năm 2021 về: "Tranh chấp về chia thừa kế tài sản và yêu cầu hủy quyết định cá biệt".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 04/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 425/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Tổ 4, thôn B, xã B1, huyện T1, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn D, sinh năm 1949; Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đ; sinh năm 1976; trú tại: Tổ dân phố H, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. *(Theo giấy ủy quyền ngày 25/11/2021).* Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam;

Địa chỉ: Số 18, đường L, thành phố T2, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn C, chức vụ: Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam. Địa chỉ: Số 99A, đường H1, thành phố T2, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Bà Võ Thị N, sinh năm 1951; Vắng mặt

+ Bà Nguyễn Thị Minh Ng, sinh năm 1977; Có mặt

+ Bà Nguyễn Thị Minh T2, sinh năm 1980; Vắng mặt

+ Bà Nguyễn Thị Minh T3, sinh năm 1983; vắng mặt

+ Ông Nguyễn Quang K, sinh năm 1990; có mặt

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

+ Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1965; có mặt

+ Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1961; bà Ch ủy quyền cho ông E tham gia tố tụng, ông E có mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

+ Bà Nguyễn Thị Q1, sinh năm 1969; có mặt

Địa chỉ: Số 61, đường H2, thị trấn N3, huyện D1, tỉnh Quảng Nam.

+ Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1970; có mặt

Địa chỉ: Tổ đoàn kết số 4, thôn Tr, xã Q3, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

+ Ông Nguyễn M1, sinh năm 1978; vắng mặt

+ Bà Nguyễn Thị Tường Q4, sinh năm 1980; vắng mặt

+ Ông Nguyễn Đ, sinh năm 1976; có mặt

+ Bà Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm 1977; có mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

**** Người kháng cáo:*** Bị đơn ông Nguyễn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quang K, ông Nguyễn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Cha mẹ bà là ông Nguyễn Quang Th (còn gọi là Nguyễn Th, chết năm 2004) và bà Nguyễn Thị Th (còn gọi là Nguyễn Thị Th1, chết năm 2002), khi chết không để lại di chúc. Cha mẹ bà có 07 người con là: Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn D, ông Nguyễn Minh Kh (chết năm 2006, có vợ là bà Võ Thị N, có 04

con là Nguyễn Thị Minh Ng, Nguyễn Thị Minh T2, Nguyễn Thị Minh T3, Nguyễn Quang K), bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Q1 và bà Nguyễn Thị H3.

Di sản của cha mẹ bà để lại là thửa đất số 176A, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.120,1m^2. Tuy nhiên, ông D đã tự ý làm thủ tục và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/6/2019. Sau khi bị chị em bà phát hiện và có tranh chấp, ông D cùng các anh chị em thống nhất ra Văn phòng công chứng Q chia đất cho các anh chị em, mỗi người 01 lô với bề ngang 5m. Nhưng sau khi tôi đổ gạch làm móng nền thì ông D cản trở không cho làm.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án:

+ Chia di sản của cha mẹ bà để lại là thửa đất số 176A, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.120,1m^2 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Nguyễn D ngày 25/6/2019.

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 341735 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 25/6/2019 cho ông Nguyễn D.

Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn D trình bày:

Vào ngày 23/9/2002 là ngày kỵ giỗ ông bà, con cháu về đông đủ, cha ông là Nguyễn Th tuổi già sức yếu nên có họp gia đình phân chia đất nhà ở cho con cháu, có lập Biên bản và có 02 ông hàng xóm làm chứng là: Ông Nguyễn Văn P và ông Hồ Văn Ng1, cháu rể là Vương Hữu V1 chứng kiến. Cha mẹ qua đời đã giao toàn bộ giấy tờ và nhà cửa cho con trai ông là Nguyễn Đ ở và thờ phụng. Nay đất có giá trị nên các em ông khởi kiện ông không đồng ý. Trên diện tích đất tranh chấp hiện nay có nhà của ông Nguyễn Đ.

Phần di sản thừa kế mà ông Đ nhận của vợ chồng ông Nguyễn Th, ông xin giao lại cho con trai là Nguyễn Đ được trọn quyền sử dụng, định đoạt.

Tại lời khai có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Võ Thị N, bà Nguyễn Thị Minh Ng, bà Nguyễn Thị Minh T2, bà Nguyễn Thị Minh T3 và ông Nguyễn Quang K trình bày:

Ông, Bà là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Kh, sinh năm 1951, chết ngày 27/7/2007 theo Giấy chứng tử số 048/2013 của UBND xã H. Ông Nguyễn Kh là con trai của ông Nguyễn Th và bà Nguyễn Thị Th1.

Nguyên mảnh đất thuộc thửa số 176A, tờ bản đồ số 07 tại thôn 8, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam là của ông Nguyễn Th và bà Nguyễn Thị Th1. Trước khi chết, ông Nguyễn Th và bà Nguyễn Thị Th1 có ý nguyện định đoạt, phân chia mảnh đất trên cho con cháu để tránh tranh chấp về sau. Với ý nguyện đó, ngày 23/9/2002 ông Nguyễn Th và bà Nguyễn Thị Th1 đã tổ chức cuộc họp gia đình để quyết định tặng cho nhà đất cho con cháu, Th phần tham dự gồm có vợ chồng ông Nguyễn Th, 02 người con trai là ông Nguyễn D và ông Nguyễn Kh, 05 người con gái là bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Q1, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị H3. Ông Nguyễn Đ *(cháu nội – con ông Nguyễn D)*, ông Nguyễn Hữu V1 *(cháu ngoại)* với sự chứng kiến và xác nhận của 02 người làm chứng là ông Nguyễn Văn P và ông Hồ Văn Ng1 *(hàng xóm)*. Theo đó, ông Nguyễn Th và bà Nguyễn Thị Th1 đã quyết định tặng cho các Th viên trong gia đình như sau:

Con trai Nguyễn D được hưởng phần diện tích đất theo chiều ngang từ bờ tường xây trở về vườn của Nguyễn D.

Con trai Nguyễn Kh được hưởng phần đất từ bờ móng nhà ở của ông Nguyễn Kh, phía Đông đến đầu bức tường xây ngang, phía Tây của nhà ở. Phần đất này có bề ngang khoảng 23m, dài khoảng 33m.

Ông Nguyễn Đ - cháu đích tôn *(con trai ông Nguyễn D)* được hưởng phần nhà ông Nguyễn Th ở từ phía Đông bức tường của nhà ông Nguyễn Kh đến hành lang đường vào nhà dưới.

Phần đất còn lại từ hành lang nhà dưới theo chiều ngang mảnh vườn đến nhà cháu ngoại Nguyễn Hữu V1 sẽ bán nhưng ưu tiên cho con cháu được mua, nếu con cháu không mua sẽ bán cho người khác. Giá bán là 10.000.000 đồng *(phần diện tích đất này trên thực tế đã bán cho bà Nguyễn Thị Minh Ng - con gái ông Nguyễn Kh, bà Ng đã xây dựng nhà ở tại đây)*.

Các phần đất nêu trên được cắt dọc từ trước đến sau đuôi vườn.

Do nghĩ là anh em ruột thịt trong gia đình, tin tưởng nhau, nên những người được ông bà Th tặng cho nhà đất đều chưa vội làm thủ tục để tách thửa, đăng ký chỉnh lý biến động để Nhà nước công nhận, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho từng người theo nội dụng ý nguyện của ông bà Th.

Sau khi, bà Nguyễn Thị Th1, ông Nguyễn Kh và ông Nguyễn Th chết, ông bà nhiều lần hỏi ông Nguyễn D về làm thủ tục để phân chia, tách thửa đất và làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho từng gia đình theo như nội dụng Biên bản họp gia đình ngày 23/9/2002, nhưng ông Nguyễn D đưa ra nhiều lý do để hẹn, khất, không thực hiện. Mặc khác, do nghĩ là bác cháu, anh em ruột thịt trong nhà và do mảnh đất trước đây cũng bị cấn quy hoạch nên ông bà cũng không hối thúc và nghi ngờ gì về ông Nguyễn D.

Đến năm 2019, gia đình ông bà phát hiện ông Nguyễn D đã bất chấp nội dung Biên bản họp gia đình ngày 23/9/2002, âm thầm kê khai và làm thủ tục để được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho riêng mình đối với toàn bộ mảnh đất nêu trên. Ngoài ra, một phần mảnh đất bị cấn quy hoạch, được Nhà nước đền bù hơn 247 triệu đồng, ông Nguyễn D cũng nhận và hưởng riêng.

Sau khi phát hiện sự việc nêu trên của ông Nguyễn D, ông bà đã nhiều lần nói chuyện, làm việc, đề nghị ông Nguyễn D phải phân chia, thực hiện theo đúng ý nguyện di chúc của ông bà nhưng ông Nguyễn D không thực hiện. Ngày 15/5/2019, UBND xã H đã tổ chức hòa giải, tại đây ông Nguyễn D cũng đồng ý phân chia đất theo như nội dung Biên bản họp gia đình ngày 23/9/2002. Nhưng sau đó, ông Nguyễn D lại không hợp tác thực hiện theo thỏa thuận. Sự việc kéo dài cho đến nay.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, ông bà thống nhất ý kiến như sau:

Ông bà không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thị T. Bởi, tài sản là quyền sử dụng đất nêu trên đã được chủ sở hữu, sử dụng là ông Nguyễn Th và bà Nguyễn Thị Th1 định đoạt, tặng cho từng người con, người cháu trong gia đình theo nội dung Biên bản họp gia đình ngày 23/9/2002 với sự có mặt và đồng ý của bà Nguyễn Thị T và tất cả những người con trai, con gái khác của ông bà Th. Vì vậy, ông bà đề nghị Tòa án công nhận và phân chia tài sản của ông bà Th theo nội dung Biên bản họp gia đình ngày 23/9/2002.

Đối với một phần diện tích thửa đất đã bán cho bà Nguyễn Thị Minh Ng (Phần đất còn lại từ hành lang nhà dưới theo chiều ngang mảnh vườn đến nhà cháu ngoại Nguyễn Hữu V1), bà Ng đã thanh toán đủ tiền, đã nhận đất làm nhà thì đề nghị Tòa án công nhận cho bà Nguyễn Thị Minh Ng theo hiện trạng.

Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CP 341735 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 25/6/2019, nếu ông Nguyễn D, bà Nguyễn Thị T và các bên liên quan không phân chia thửa đất số 176A tờ bản đồ số 07 nêu trên theo nội dung Biên bản họp gia đình ngày 23/9/2002 thì đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Ông bà thống nhất giao (tặng cho) toàn bộ phần tài sản mà những người thừa kế của ông Nguyễn Kh được hưởng, được phân chia cho ông Nguyễn Quang K toàn bộ và toàn quyền quyết định, định đoạt đối với phần tài sản đó.

Đối với việc tham gia tố tụng và quyết định các vấn đề liên quan, ông bà thống nhất ủy quyền và giao toàn quyền cho ông Nguyễn Quang K tham gia, quyết định.

Tại lời khai có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn M1 và bà Nguyễn Thị Tường Q4 trình bày:

Vào năm 2002, ông và vợ là Nguyễn Thị Tường Q4 cưới nhau và về ở chung cùng ông nội là ông Nguyễn Th và bà Nguyễn Thị Th1. Đầu năm 2007, ông nội và bà nội chết và có cho vợ chồng ông miếng đất dài 115,2m^2 là phần nhà dưới của ông nội và đến năm 2012 vợ chồng ông đã làm nhà và sinh sống đến bây giờ.

Do quá trình làm hồ sơ chuyển nhượng đất bị chậm và có sự tranh chấp đất của các cô, cháu trong gia đình nên chưa giải quyết được.

Ngôi nhà 02 tầng nằm trên diện tích đất 115,2m^2 thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông bà. Do bận công việc làm ăn nên vợ chồng ông bà xin được xét xử vắng và yêu cầu công nhận nhà đất thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông bà.

Tại Biên bản hòa giải ngày 27/01/2021, các đương sự gồm: Nguyễn Thị T, Nguyễn D, Nguyễn Quang K, Nguyễn Thị Ch, Nguyễn Thị Q1, Nguyễn Thị H3 thống nhất:

- Ông Nguyễn Th chết năm 2004, có vợ là bà Nguyễn Thị Th1 (còn gọi là Th) chết năm 2002, vợ chồng ông Th khi chết không để lại di chúc. Vợ chồng ông Th có 07 người con chung là: Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn D, ông Nguyễn Minh Kh (chết năm 2006, có vợ là bà Võ Thị N, có 04 người con là: Bà Nguyễn Thị Minh Ng, bà Nguyễn Thị Minh T2, bà Nguyễn Thị Minh T3 và ông Nguyễn Quang K), bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Q1 và bà Nguyễn Thị H3. Ngoài những người con trên, ông Th, bà Th không có con riêng nào khác.

- Trường hợp Tòa án giải quyết chia thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì tất cả các đương sự chỉ yêu cầu Tòa án chia thừa kế (giải quyết) đối với phần diện tích 1.663,5m^2 đất nằm trong thửa đất số 176A, tờ bản đồ số 7, diện tích 2120,1m^2. Phần diện tích đất còn lại của thửa đất số 176A, tờ bản đồ số 7, nằm trong diện tích 2120,1m^2, các đương sự có mặt thống nhất: Ngôi nhà cấp 4 nằm trên diện tích đất 205,9m^2 thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Minh Ng. Ngôi nhà 02 tầng nằm trên diện tích đất 115,2m^2 thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông Nguyễn M1. Ngôi nhà cấp 4 nằm trên diện tích đất 135,5m^2 thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông Nguyễn Đ và dùng làm nơi thờ tự ông bà. Trên diện tích đất tranh chấp có cây, nếu cây nằm trên phần đất được Tòa án chia thừa kế giao cho ai thì người đó được quyền sở hữu cây trên đất.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 04/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

Áp dụng các Điều 26, 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 623, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy quyết định cá biệt".

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 341735 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 25/6/2019 cho ông Nguyễn D.

Bà Nguyễn Thị T được quyền quản lý sử dụng 254,6 m^2 (ký hiệu S1) đất nằm trong thửa đất số 176A, tờ bản đồ số 7, diện tích 2120,1 m^2.

Bà Nguyễn Thị Ch được quyền quản lý sử dụng 208 m^2 (ký hiệu S2) đất nằm trong thửa đất số 176A, tờ bản đồ số 7, diện tích 2120,1 m^2.

Bà Nguyễn Thị S được quyền quản lý sử dụng 204,2 $m^2$2 (ký hiệu S3) đất nằm trong thửa đất số 176A, tờ bản đồ số 7, diện tích 2120,1 m^2.

Bà Nguyễn Thị Q1 được quyền quản lý sử dụng 203,2 m^2 (ký hiệu S4) đất nằm trong thửa đất số 176A, tờ bản đồ số 7, diện tích 2120,1 m^2.

Bà Nguyễn Thị H3 được quyền quản lý sử dụng 221 m^2 (ký hiệu S5) đất nằm trong thửa đất số 176A, tờ bản đồ số 7, diện tích 2120,1 m^2.

Ông Nguyễn Đ được quyền quản lý sử dụng 245,8 m^2 (ký hiệu S6) đất nằm trong thửa đất số 176A, tờ bản đồ số 7, diện tích 2120,1 m^2.

Ông Nguyễn Quang K được quyền quản lý sử dụng 291,7 m^2 (ký hiệu S7) đất nằm trong thửa đất số 176A, tờ bản đồ số 7, diện tích 2120,1 m^2.

Bà Nguyễn Thị Minh Ng được quyền quản lý sử dụng 205,9 m^2 (ký hiệu S8) đất nằm trong thửa đất số 176A, tờ bản đồ số 7, diện tích 2120,1 m^2.

Ông Nguyễn M1 được quyền quản lý sử dụng 115,2 m^2 (ký hiệu S9) đất nằm trong thửa đất số 176A, tờ bản đồ số 7, diện tích 2120,1 m^2.

Ông Nguyễn Đ được quyền quản lý sử dụng 165,5 m^2 (ký hiệu S10) đất nằm trong thửa đất số 176A, tờ bản đồ số 7, diện tích 2120,1 m^2 tại tổ dân phố H, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 11/5/2921, bị đơn - ông Nguyễn D và những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm các ông: Nguyễn Quang K, ông Nguyễn Đ có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS - ST ngày 04/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và đề nghị: Sửa Bản án theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, công nhận hiệu lực và chia di sản của ông Nguyễn Th và bà Nguyễn Thị Th theo nội dung biên bản họp gia đình ngày 23/9/2002.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ

nguyên nội dung kháng cáo như trên; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các nội dung kháng cáo của Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS - ST ngày 04/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn xét xử phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét nội dung kháng cáo của bị đơn – ông Nguyễn D và những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm các anh: Nguyễn Quang K, anh Nguyễn Đ đề nghị: Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS - ST ngày 04/5/2021 theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, công nhận hiệu lực và chia di sản của cụ Nguyễn Th và cụ Nguyễn Thị Th1 (Th) theo nội dung biên bản họp gia đình ngày 23/9/2002 thì thấy:

[1.1]. Các bên đương sự đều thừa nhận: Cụ Nguyễn Th chết năm 2004, có vợ là Cụ Nguyễn Thị Th1 (còn gọi là Th) chết năm 2002; Cụ Th và cụ Th1 có 07 người con chung là: Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn D, ông Nguyễn Minh Kh (chết năm 2006, có vợ bà Võ Thị N, có 04 người con là các chị Nguyễn Thị Minh Ng, Nguyễn Thị Minh T2, Nguyễn Thị Minh T3 và anh Nguyễn Quang K), bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Q1 và bà Nguyễn Thị H3. Ngoài những người con trên, cụ Th, cụ Th1 không có con riêng nào khác.

Thửa đất số 176A, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.120,1m^2 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Nguyễn D ngày 25/6/2019 là tài sản chung của cụ Nguyễn Th và cụ Nguyễn Thị Th1. Trước khi chết,vợ chồng cụ Th không để lại di chúc.

[1.2]. Khi còn sống cụ Nguyễn Th có họp gia đình và lập Biên bản họp gia đình ngày 23/9/2002 (bl 170) với nội dung: Phân chia đất và nhà ở cho con cháu đối với thửa đất số 176A, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.682 m^2 do UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997. Ông Nguyễn D và những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm các anh: Nguyễn Quang K (con của ông Nguyễn Minh Kh), anh Nguyễn Đ (con của ông Nguyễn D) cho rằng phải chia di sản của cụ Th và cụ Th1 theo nội dung Biên

bản họp gia đình ngày 23/9/2002 nhưng Bản án sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ vì:

- Biên bản họp gia đình ngày 23/9/2002 chỉ có cụ Th, không có cụ Th1 tham dự nên không có chữ ký của cụ Nguyễn Thị Th1 (vợ cụ Nguyễn Th), cụ Th1 chết ngày 26/11/2002. Cụ Th định đoạt toàn bộ tài sản chung của 02 Cụ là không đúng quy định tại các Điều 213 và 218 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nội dung Biên bản cụ Th phân chia một phần quyền sử dụng đất cho 03 người gồm: Ông D, con trai ông Nguyễn Minh Kh (nhưng không ghi họ tên cụ thể là ai) và anh Nguyễn Đ (con trai ông D) nhưng đều không ghi rõ diện tích được chia cho từng người là bao nhiêu, ở vị trí nào và cũng không có sơ đồ kèm theo, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, nên trong thực tế từ khi cụ Th chia đất (năm 2002) cho đến nay thì Biên bản này vẫn không có hiệu lực các bên vẫn không thực hiện được việc phân chia ở trên. Chh vì thế mà năm 2016, ông Nguyễn D mới tiếp tục lập thủ tục nhận thừa kế quyền sử dụng đất và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Q chỉnh lý biến động ngày 19/12/2016; chỉ sau khi bị các người con của vợ chồng cụ Nguyễn Th phát hiện và có tranh chấp nên ông D đã cùng các anh chị em thống nhất ra Văn phòng công chứng Q chia đất cho các anh chị em, mỗi người 01 lô với bề ngang 5m, nhưng vẫn không Đ thực hiện. Ông Nguyễn D, anh Nguyễn Đ và anh Nguyễn Quang K cho rằng phải chia Di sản của cụ Th và cụ Th1 theo nội dung Biên bản họp gia đình ngày 23/9/2002 là không có căn cứ để chấp nhận.

[2]. Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 04/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã xác định đúng di sản thừa kế, hàng thừa kế của cụ Th và cụ Th1 đồng thời chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án chia thừa kế đối với phần diện tích 1.633,5m^2 đất nằm trong thửa đất số 176A, tờ bản đồ số 7, diện tích 2120,1m^2. Phần diện tích đất còn lại của thửa đất số 176A, tờ bản đồ số 7, nằm trong diện tích 2120,1m^2, các đương sự có mặt thống nhất giao cho những người đã sử dụng thực tế và cũng đã tính công sức tôn tạo, giữ gìn và quản lý di sản thừa kế cho những người cụ thể là phù hợp với thực tế đang quản lý, sử dụng đất và đúng quy định tại các Điều 623, 650, 651 và 660 Bộ luật dân sự năm 2015. Sau khi án xử sơ thẩm, bị đơn – ông Nguyễn D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm các anh: Nguyễn Quang K, Nguyễn Đ kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm các anh: Nguyễn Quang K, Nguyễn Đ. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS - ST ngày 04/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

[3]. Án phí phúc thẩm:

[3.1]. Do kháng cáo không Đ chấp nhận nên các ông: Nguyễn Quang K, ông Nguyễn Đ phải chịu án dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí và Lệ phí Tòa án;

[3.2]. Miễn án phí phúc thẩm cho các ông Nguyễn D theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí và Lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn – ông Nguyễn D và những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm các anh: Nguyễn Quang K, Nguyễn Đ; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS - ST ngày 04/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Áp dụng: Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 623, 650, 651 và 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy quyết định cá biệt ".

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 341735 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 25/6/2019 cho ông Nguyễn D.

Bà Nguyễn Thị T được quyền quản lý sử dụng 254,6 m^2 (ký hiệu S1) đất nằm trong thửa đất số 176A, tờ bản đồ số 7, diện tích 2120,1m^2.

Bà Nguyễn Thị Ch được quyền quản lý sử dụng 208 m^2 (ký hiệu S2) đất nằm trong thửa đất số 176A, tờ bản đồ số 7, diện tích 2120,1m^2.

Bà Nguyễn Thị S được quyền quản lý sử dụng 204,2 m^2 (ký hiệu S3) đất nằm trong thửa đất số 176A, tờ bản đồ số 7, diện tích 2120,1m^2.

Bà Nguyễn Thị Q1 được quyền quản lý sử dụng 203,2 m^2 (ký hiệu S4) đất nằm trong thửa đất số 176A, tờ bản đồ số 7, diện tích 2120,1m^2.

Bà Nguyễn Thị H3 được quyền quản lý sử dụng 221 m^2 (ký hiệu S5) đất nằm trong thửa đất số 176A, tờ bản đồ số 7, diện tích 2120,1m^2.

Ông Nguyễn Đ được quyền quản lý sử dụng 245,8 m^2 (ký hiệu S6) đất nằm trong thửa đất số 176A, tờ bản đồ số 7, diện tích 2120,1m^2.

Ông Nguyễn Quang K được quyền quản lý sử dụng 291,7 m^2 (ký hiệu S7) đất nằm trong thửa đất số 176A, tờ bản đồ số 7, diện tích 2120,1m^2.

Bà Nguyễn Thị Minh Ng được quyền quản lý sử dụng 205,9 m^2 (ký hiệu S8) đất nằm trong thửa đất số 176A, tờ bản đồ số 7, diện tích 2120,1m^2.

Ông Nguyễn M1 được quyền quản lý sử dụng 115,2 m^2 (ký hiệu S9) đất nằm trong thửa đất số 176A, tờ bản đồ số 7, diện tích 2120,1m^2.

Ông Nguyễn Đ được quyền quản lý sử dụng 165,5 m^2 (ký hiệu S10) đất nằm trong thửa đất số 176A, tờ bản đồ số 7, diện tích 2120,1m^2 tại tổ dân phố H, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam (Diện tích đất có sơ đồ kèm theo Bản án sơ thẩm).

2. Án phí phúc thẩm: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí và Lệ phí Tòa án.

- Miễn án phí phúc thẩm cho ông Nguyễn D;

- Buộc các anh: Nguyễn Quang K, Nguyễn Đ mỗi người phải chịu 300.000 đồng án dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại các biên lai: số 0002670 ngày 08/6/2021, số 0002658 ngày 02/6/2021và của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

3. Các quyết định về: Án phí sơ thẩm và quy định về thi hành án, chậm thi hành án được thực hiện theo Quyết định tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS - ST ngày 04/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến